

**NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC VÀ KINH NGHIỆM
SỬ DỤNG THUỐC NAM CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
XÃ BÔNG AM, HUYỆN SƠN ĐỘNG, BẮC GIANG**

NGUYỄN THỊ THÚY VÂN
Trường Đại học Lâm nghiệp
TRẦN MINH HỘI
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Xã Bông Am, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang là một xã miền núi. Tổng diện tích đất tự nhiên là 2.374,2 ha, trong đó đất lâm nghiệp là 2.112,7 ha (chiếm 89% tổng diện tích đất tự nhiên). Toàn xã có 200 hộ dân, 900 khẩu, gồm 6 dân tộc sinh sống: Kinh, Cao Lan, Sán Dìu, Nùng, Hoa và Tày, trong đó chủ yếu là người Kinh (chiếm 52%), sau đó đến Cao Lan. Người dân sống tập trung trong thung lũng; ngành nghề chủ yếu là sản xuất nông lâm nghiệp. Sản lượng lương thực bình quân đầu người là 450 kg/người/năm. Số hộ nghèo chiếm 10,5%. Đời sống của người dân còn gắn liền với rừng, việc sử dụng thuốc nam để chữa trị bệnh còn khá phổ biến. Người dân vùng này chỉ chú ý đến việc khai thác, sử dụng cây thuốc mà chưa quan tâm đến việc bảo tồn chúng nên nguồn cây thuốc bị khai thác không có kế hoạch dẫn đến bị cạn kiệt dần.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đã điều tra trực tiếp thành phần, dạng sống, nơi phân bố của cây thuốc ngoài thực địa [7]; đồng thời điều tra, tìm hiểu kinh nghiệm sử dụng, công dụng và cách thức thu hái cây thuốc của người dân trong xã thông qua phỏng vấn các ông lang, bà mẹ và người dân.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng thành phần loài cây thuốc

Qua điều tra trên các tuyến điển hình và phỏng vấn một số hộ gia đình trong xã, chúng tôi đã thu mẫu và giám định được 295 loài thực vật có thể làm thuốc thuộc 246 chi, 104 họ trong 4 ngành thực vật [1, 2, 8]. Các họ được phân loại theo hệ thống phân loại của Takhtanjan (1973) và sắp xếp theo thứ tự ABC. Kết quả được tổng hợp tóm tắt ở bảng 1 dưới đây.

Kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy ngành Mộc lan có số họ (96), số chi (238) và số loài (285) là lớn nhất. Ngành Thông có số họ, số chi và số loài thấp nhất (với các giá trị tương ứng là 1:1:1).

Bảng 1

Thành phần thực vật làm thuốc ở xã Bông Am

TT	Ngành	Họ		Chi		Loài	
		Số họ	Tỷ lệ %	Số chi	Tỷ lệ %	Số loài	Tỷ lệ %
1	Mycophyta - Nấm	2	1,92	2	0,81	2	0,68
2	Polypodiophyta - Dương xỉ	5	4,81	5	2,03	7	2,37
3	Pinophyta - Thông	1	0,96	1	0,42	1	0,34
4	Magnoliophyta - Mộc lan	96	92,31	238	96,75	285	96,61
	Tổng cộng	104	100,00	246	100,00	295	100,00

2. Đa dạng về họ thực vật

Để xem xét sự đa dạng về họ thực vật làm thuốc trong khu vực nghiên cứu, theo đánh giá của Tolmachop (1974) “Ở vùng nhiệt đới, thành phần thực vật khá đa dạng thể hiện ở chỗ là rất ít họ chiếm tới 10% tổng số loài của hệ thực vật và tổng tỷ lệ % của 10 họ giàu loài nhất chỉ đạt 45%-50% tổng số loài của hệ thực vật”.

Mức độ đa dạng về họ cây thuốc tại khu vực nghiên cứu như sau: số họ có 1 đến 2 loài là 70 họ, chiếm 67,31%; số họ có 3 loài đến 9 loài là 30 họ, chiếm 28,85%; số họ có từ 10 loài trở lên là 4 họ, chiếm 3,85%.

Mười họ giàu loài nhất được thể hiện ở bảng 2 dưới đây.

Bảng 2

Các họ thực vật giàu loài nhất ở xã Bồng Am

Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số loài	Tỷ lệ (%)
Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu	21	19,81
Asteraceae	Họ Cúc	19	19,72
Fabaceae	Họ Đậu	13	12,26
Rubiaceae	Họ Cà phê	10	9,34
Apocynaceae	Họ Trúc đào	9	8,49
Annonaceae	Họ Na	7	6,60
Rutaceae	Họ Cam	7	6,60
Poaceae	Họ Lúa	7	6,60
Menispermaceae	Họ Tiết dê	7	6,60
Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa	6	5,60
Tổng		106	100,00

Như vậy thực vật làm thuốc ở đây đa dạng về loài và họ vì tỷ lệ % của 10 họ giàu loài nhất chỉ chiếm 35,92% (<50% tổng số loài); nhưng lại không đa dạng về chi vì phần trăm các họ có 1 chi, 1 loài chỉ chiếm 18,71% (< 20%).

3. Đa dạng về dạng sống

Mỗi loài đều có những đặc tính sinh học nhất định, do vậy cây thuốc cũng có những dạng sống khác nhau. Theo “Tên cây rừng Việt Nam, 2000” [4], chúng tôi đã chia 295 loài thực vật làm thuốc đã điều tra được thành 14 dạng sống cơ bản (bảng 3).

Bảng 3

Đa dạng về dạng sống của các loài thực vật làm thuốc

Dạng sống	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
Cỏ đứng thẳng (COD)	83	28,14
Cây bụi (BUI)	51	17,29
Dây leo thân cỏ (COL)	50	16,95
Cây gỗ nhỏ (GON)	34	11,53
Cây gỗ trung bình (GOT)	25	8,45
Dây leo thân gỗ (DLG)	22	7,46
Bụi trườn (BTR)	10	3,39
Cây gỗ lớn (GOL)	7	2,37
Cây gỗ nhỏ hoặc bụi (GNB)	3	1,02
Cây phụ sinh (CPS)	3	1,02
Cây ký sinh (CKS)	3	1,02
Cây hoại sinh (CHS)	2	0,68
Cây thủy sinh (CTS)	1	0,34
Cây dạng cau dừa (CAU)	1	0,34
Tổng	295	100,00

Dạng sống của cây thuốc phổ biến nhất là cỏ đứng thẳng (chiếm 28,14%), tiếp đến là cây bụi (chiếm 17,29%), dây leo thân cỏ chiếm 16,95%... và cây thủy sinh, cây dạng cau dừa chỉ chiếm 0,34%.

4. Đa dạng về bộ phận sử dụng

Nói đến thực vật làm thuốc không phải loài nào cũng được sử dụng cả cây, mà có những loài ta chỉ sử dụng một hoặc vài bộ phận trên cây. Một vấn đề đặt ra trong khi sử dụng thuốc nam là sử dụng bộ phận nào của cây để nâng cao hiệu quả trị bệnh và tránh những điều rủi ro xảy ra, bởi vì cùng một cây nhưng các bộ phận khác nhau lại cho những giá trị sử dụng khác nhau, có khi còn ngược hẳn. Ví dụ: cây Củ đậu, rễ củ sử dụng như một vị thuốc giải nhiệt, nhưng hạt lại là vị thuốc độc nguy hiểm. Kết quả điều tra về các bộ phận sử dụng cây thuốc tại xã Bồng Am được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4

Đa dạng về các bộ phận sử dụng của cây thuốc ở xã Bồng Am

Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)	Hình thức khai thác
Lá	119	40,34	Hái lá non, lá bánh tẻ, lá già
Rễ	59	20,0	Đào rễ
Cây	52	17,63	Chặt, nhỏ cả cây
Thân	45	15,25	Chặt đoạn thân, chặt cả cây
Quả	34	11,53	Thu hái quả non, quả già
Vỏ	30	10,17	Đeo vỏ, chặt cả cây
Hạt	28	9,49	Nhặt hạt, hái quả về để lấy hạt
Củ	25	8,47	Đào củ
Hoa	15	5,08	Hái hoa
Búp	7	2,37	Hái búp non
Nhựa	3	1,02	Trích nhựa, chặt cả cây
Lõi	2	0,68	Chặt thân, cây
Dầu	1	0,34	Chặt cây, thu hái bộ phận cho dầu

Bộ phận cây thuốc được sử dụng nhiều nhất là lá (119 loài, chiếm 40,34%), tiếp đến là rễ (59 loài, chiếm 20,0%)...

5. Đa dạng về công dụng

Dựa vào số liệu thu thập được và công dụng chữa bệnh của các loài cây do nhân dân cung cấp và tra cứu trong tài liệu tham khảo [4], chúng tôi đã chia thành 40 nhóm bệnh khác nhau.

Kết quả điều tra thu được như sau: Số lượt loài được sử dụng là 783 lượt. Như vậy hệ số sử dụng loài cây thuốc là 2,7 lần (783/295). Qua thống kê, chúng tôi thấy rằng số loài được dùng để chữa bệnh ngoài da (hắc lào, mẩn ngứa...) chiếm tỷ lệ cao nhất với 77 loài (chiếm 9,83%), sau đó đến bệnh ỉa chảy, táo bón với 56 loài (chiếm 7,15%), sốt rét, cảm cúm có 54 loài (chiếm 6,89%)... Còn lại các loài được chia vào các nhóm bệnh khác với số loài từ 3 đến 50 loài.

Thực vật làm thuốc ở Bồng Am được sử dụng ở hầu hết các nhóm bệnh; điều này khẳng định rằng cây thuốc ở đây rất đa dạng về công dụng.

6. Phân bố cây thuốc theo môi trường sống

Mỗi loài thực vật sinh trưởng và phát triển trong những điều kiện sinh thái nhất định. Cây thuốc cũng phân bố ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau như: Đông núi, khe suối, quanh làng xóm, đồng ruộng và các trạng thái rừng (rừng sau khai thác kiệt -IIIA1; rừng phục hồi sau nương rẫy-IIaIIb; đất trống, đồi cây bụi-IaIb). Kết quả được thống kê cụ thể trong bảng 5 dưới đây.

Bảng 5

Phân bố cây thuốc theo môi trường sống

Môi trường sống	Các trạng thái rừng	Số loài	Tỷ lệ (%)
Làng xóm		45	21,13
Đồng ruộng		14	6,57
Rừng sau khai thác kiệt	IIIA1	57	26,67
Rừng phục hồi sau nương rẫy	IIaIIb	72	33,8
Đất trống, đồi cây bụi	IaIb	25	11,74
Tổng		213	100,00

Kết quả thu được ở bảng 5 cho thấy sự phân bố cây thuốc ở các môi trường sống khác nhau là không đồng đều. Ở trạng thái rừng phục hồi sau nương rẫy (IIaIIb) tập trung nhiều loài nhất với 72 loài (chiếm 33,8%); tiếp đến là ở trạng thái rừng sau khai thác kiệt (IIIA1) có 57 loài (chiếm 26,76%).

7. Mức độ ưu tiên sử dụng cây thuốc trong nhân dân

Để đánh giá mức độ ưu tiên trong sử dụng cây thuốc chúng tôi căn cứ vào tần số xuất hiện loài cây trong 24 lần (20 lần phỏng vấn và 4 lần điều tra theo tuyến). Kết quả chi tiết được thống kê trong bảng 6. Số loài cây thuốc được các lang y sử dụng nhiều nhất có 4 loài, chiếm 1,35%. Mức độ sử dụng ít nhất có 292 loài, chiếm 77,63%.

Bảng 6

Mức độ ưu tiên sử dụng cây thuốc trong nhân dân

Số lần gặp	Số loài	Tỷ lệ (%)	Mức độ sử dụng
Gặp 1- 3 lần	292	77,63	Ít
Gặp 4- 6 lần	52	17,63	Trung bình
Gặp 7- 9 lần	10	3,39	Nhiều
Gặp 10- 13 lần	4	1,35	Rất nhiều
Tổng	295	100,00	

8. Những loài cây thuốc quý hiếm có trong xã Bồng Am

Sau khi có kết quả điều tra các loài cây thuốc trong khu vực nghiên cứu, kết hợp với các tài liệu tham khảo trong Sách Đỏ Việt Nam, 1996 [3], chúng tôi đã thống kê được một số loài cây thuốc quý hiếm, có nguy cơ hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng (bảng 7).

Bảng 7

Các loài cây thuốc quý hiếm có ở xã Bồng Am

Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tình trạng
<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Smith	Lông cu li	K
<i>Drynaria fortunei</i> (O. Kuntze ex Mett.) J. Sm.	Cốt toái bộ	T
<i>Rauvolfia verticillata</i> Baill.	Ba gạc	V
<i>Strophanthus divaricatus</i> (Lour.) Hook. et Arn.	Sừng dê	T
<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	Hoàng đằng	V
<i>Tinospora sinensis</i> (Lour.) Merr.	Dây đau xương	K
<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khôi	V
<i>Morinda officinalis</i> F.C.How.	Ba kích	K
<i>Limnophila rugosa</i> (Roth.) Merr.	Quế đất	R
<i>Smilax glabra</i> Wall. ex Roxb.	Thỏ phục linh	V

Chú thích: V: Sẽ nguy cấp; R: Hiếm; T: Bị đe dọa; K: Không biết chính xác.

9. Một số kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong nhân dân

Qua phỏng vấn trong nhân dân, chúng tôi đã thu được 25 bài thuốc trị các loại bệnh khác nhau như: chữa bệnh thận, rắn cắn, bệnh gan, bệnh tim... Tuy nhiên những bài thuốc trên chỉ là một phần nhỏ trong kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong nhân dân, bên cạnh đó cũng cần phải nghiên cứu, kiểm nghiệm trước khi sử dụng.

III. KẾT LUẬN

- Tổng số loài đã điều tra được là 295 loài thuộc 289 chi, 104 họ trong 4 ngành thực vật. Số loài trung bình trong một họ là 3 loài. Mười họ có nhiều loài nhất chiếm 35,92%.

- Đã thống kê được 14 dạng sống khác nhau của các loài cây thuốc. Cây thuốc chủ yếu phân bố ở dạng sống là thân cỏ, cây bụi, dây leo...

- Người dân trong xã sử dụng khá đa dạng các bộ phận của cây thuốc như: sử dụng cả cây, lá, quả... nhưng chủ yếu là các bộ phận: lá 119 loài (chiếm 40,34%); rễ 59 loài (chiếm 20%); cây 52 loài (chiếm 17,63%);... ít được sử dụng nhất là dầu, lõi, nhựa chỉ dùng được 1 đến 3 loài.

- Đã thống kê được 783 lượt loài sử dụng trong 40 nhóm bệnh khác nhau, đạt hệ số 2,7 lần. Nhóm bệnh ngoài da (hắc lạo, vẩy nến, mụn nhọt) sử dụng được nhiều loài nhất với 77 loài, nhóm bệnh thấp khớp, đau nhức 61 loài... Nhưng cũng có những nhóm bệnh như: chai chân, báng, tim... chỉ sử dụng được từ 3 đến 5 loài.

- Cây thuốc xuất hiện nhiều nhất ở trạng thái rừng phục hồi sau nương rẫy (IIaIIb) với 72 loài (chiếm 33,8%), kế đến là rừng sau khai thác kiệt có 52 loài (chiếm 26,76%), ít nhất là ở đồng ruộng chỉ có 14 loài, đạt 6,57%.

- 4 loài được sử dụng rất nhiều (Bồ công anh, Cỏ tranh, Mã đề, Mần trầu) chiếm 1,35%, 10 loài sử dụng với mức độ nhiều đạt 3,39%, 52 loài được sử dụng ở mức trung bình, chiếm 17,63%. Riêng nhóm cây thuốc ít được sử dụng có 292 loài, chiếm 77,63%.

- Trong 295 loài thực vật làm thuốc ở khu vực có tới 10 loài đang có nguy cơ bị đe dọa và có tên trong Sách Đỏ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bản**, 1997: Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam. Nxb Nông nghiệp.
2. **Nguyễn Tiến Bản** (chủ biên), 2003 - 2005: Danh lục thực vật Việt Nam, Tập II, III. Nxb Nông nghiệp.
3. **Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường**, 1996: Sách Đỏ Việt Nam. Nxb KH&KT, Hà Nội.
4. **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, 2000: Tên cây rừng Việt Nam. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
5. **Võ Văn Chi**, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb Y học.
6. **Đỗ Tất Lợi**, 2001: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb Y học, Hà Nội.
7. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997: Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
8. **Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội**, 2001: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Tập 1. Nxb Nông nghiệp.

MEDICINAL PLANT RESOURCES AND INDIGENOUS KNOWLEDGE OF TRADITIONAL MEDICINE OF THE ETHNIC COMMUNITY IN BONG AM, SON DONG, BAC GIANG

Nguyen Thi Thuy Van, Tran Minh Hoi

SUMMARY

The medicinal plant resources in Bong Am commune, Son Dong district, Bac Giang province consist of 295 species, 289 genera, 104 families in 4 divisions (Mycophyta, Polypodiophyta, Pinophyta, Magnoliophyta). Ten families with numerous species represent 35.92% (50% of the total of species). In this area there are 14 different plant forms of medicinal plants. The life forms of medicinal plant are principally herbs, shrubs, lianas,... Parts used are essentially leaves (119 species, representing 40.34%); roots (59 species, 20.00%); stems (52 species, 17.63%). The parts least used are oils, heartwood, resin from 1 to 3 species. The medicinal plants are mostly distributed in burnt-over forest (IIaIIb) with 72 species (representing 33.8%); followed by degraded forest with 52 species (representing 26.76%)... and the lowest in open fields with 14 species (representing 6.57%). The frequency of plant use in the community: 4 species with the most use (representing 1.35%); ten species with much use (equal 3.39%); 52 species with medium use (representing 17.63%); 292 species with less use (representing 77.63%). There are 10 species listed in the Red Data Book of Vietnam.